TOÀ ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2021/DS-ST.
Ngày: 10 - 8 - 2021.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - THANH HOÁ.

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Dũng, ông Lê Văn Hoàn.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Vũ Lệ Thủy – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc - tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa* tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2021 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 07/2021/TLST- DS ngày 07 tháng 4 năm 2021 về " tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST - DS ngày 07 tháng 7 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST – DS ngày 22 tháng 7 năm 2021 đối với các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị D – Sinh năm: 1975, ông Hồ Văn B – Sinh năm 1969.

Đều trú tại: Khu 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Hồ Văn B là: Bà Mai Thị D (theo giấy ủy quyền ngày 07/4/2021).

Có mặt tại phiên tòa

2. Bị đơn: Bà Trịnh Thị L – Sinh năm: 1976,

Trú tại: Thôn P, xã N, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Bà L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 4 năm 2021, bản tự khai ngày 29 tháng 4 năm 2021 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Mai Thị D trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết làm ăn nên vợ chồng bà đã cho bà Trịnh Thị L trú tại thôn P, xã N, huyện Vĩnh Lộc vay 04 lần tiền, với tổng số tiền là

1.120.000.000 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi triệu đồng). Cụ thể như sau: Ngày 25/9/2019 vay 490.000.000 đồng, ngày 27/11/2019 vay 180.000.000 đồng, ngày 06/01/2020 vay 400.000.000 đồng, ngày 08/02/2020 vay 50.000.000 đồng. Tuy các giấy vay nợ ngày 06/01/2020 và 08/02/2020 trong giấy ghi lãi suất là 2.000 đồng/ triệu/ngày nhưng thực tế vợ chồng bà D, ông B đều cho bà L vay với lãi suất là 1.500 đồng/triệu/ngày. Khi vay hai bên không có thỏa thuận thời hạn trả tiền gốc, nhưng thỏa thuận miệng với nhau lãi suất được trả hàng tháng với mức lãi suất là 1.500 đồng/triệu/ngày. Được vài tháng đầu bà L trả lãi đầy đủ sau đó lại khất lần không trả, đợt nào vợ chồng bà đòi gắt thì bà L lại trả được vài triệu tiền lãi, rồi lại không trả nữa. Vợ chồng bà không nhớ cụ thể bà L đã trả cho vợ chồng bà được bao nhiêu tiền lãi nhưng hai bên đã thống nhất số tiền lãi còn thiếu không tính nữa, chỉ tính tiền lãi đối với bà L bắt đầu từ ngày 27/5/2020 trở đi trên số tiền nợ gốc đã vay theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận lúc vay là 1.500 đồng/triệu/ngày. Nhưng từ đó đến nay bà L không trả nợ cho vợ chồng bà nữa mà luôn trốn tránh, vợ chồng bà đã gọi điện cho bà L nhiều lần nhưng bà L đều khất lần cố tình không trả. Vì bà Trịnh Thị L không có thiện chí trả nợ nên bà D, ông B đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc buộc bà Trịnh Thị L phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà D, ông B số tiền nợ gốc đã vay là 1.120.000.000 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất mà pháp luật quy định tính từ ngày 27/5/2020 cho đến khi trả nợ xong.

Bị đơn bà Trịnh Thị L sau khi thụ lý vụ án đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không lấy được lời khai của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bà Trịnh Thị L có vay nợ của vợ chồng bà Mai Thị D, ông Hồ Văn B số tiền là 1.120.000.000 đồng. Bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà D, ông B khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bà L phải trả số tiền đã vay là 1.120.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh. Bị đơn bà Trịnh Thị L, trú tại: Thôn P, xã N, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Trịnh Thị L đến Tòa án để làm bản tự khai nhưng bà L không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không có lời khai của bà L. Tòa án đã tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng bà L

không đến Tòa án. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt bà L và không tiến hành hòa giải được vụ án. Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho bà L theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, do bà L vắng mặt lần hai; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trịnh Thị L.

Bị đơn bà Trịnh Thị L không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự khác đã giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và điều luật áp dụng: Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của nguyên đơn và căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 vụ án có quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[3] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án bà Trịnh Thị L không đến Tòa án làm việc cho dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, căn cứ vào các giấy vay tiền đề ngày 25/9/2019, ngày 27/11/2019, ngày 06/01/2020 và ngày 08/02/2020 thể hiện bà Trịnh Thị L có vay của vợ chồng bà Mai Thị D, ông Hồ Văn B tổng số tiền là 1.120.000.000đồng (Một tỷ một trăm hai mươi triệu đồng), trong giấy vay tiền không có thời hạn trả nợ, nhưng có thỏa thuận về mức lãi suất. Lãi suất trong giấy vay nợ không thể hiện cụ thể về thời điểm trả lãi, nhưng theo bà D lãi suất được thỏa thuận bằng lời nói với nhau là trả lãi theo tháng. Quá trình giải quyết vụ án bà L vắng mặt, nhưng bà D trình bày và cũng xuất trình được chứng cứ là bà L đã trả lãi một vài tháng đầu. Như vậy, khẳng định hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng bà D, ông B và bà L là hợp đồng vay tài sản không có thời hạn nhưng có lãi. Bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán lãi như đã cam kết. Do đó, bà D, ông B yêu cầu bà L phải trả nợ cho bà D, ông B số tiền gốc đã vay là 1.120.000.000 đồng (một tỷ một trăm hai mươi triệu đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc bà Trịnh Thị L phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà Mai Thị D, ông Hồ Văn B số tiền nợ gốc đã vay là 1.120.000.000 đồng (một tỷ một trăm hai mươi triệu đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất: Giao dịch dân sự giữa bà D, ông B và bà L trong các giấy vay nợ ngày 25/9/2019 và ngày 27/11/2019 thể hiện lãi suất là 1500đồng/triệu/ngày; trong các giấy vay nợ ngày 06/01/2020 và ngày 08/02/2020 thể hiện lãi suất là 2.000đồng/triệu/ngày. Quá trình giải quyết vụ án bà D cho rằng vợ chồng bà và bà L đã thỏa thuận bằng lời nói với nhau lãi suất trước đây không tính nữa chỉ tính từ ngày 27/5/2020 trở đi. Quá trình giải quyết vụ án bà L vắng

mặt nên không lấy được lời khai của bà L. Nên khẳng định đây là hợp đồng vay tài sản không có thời hạn nhưng có lãi. Bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi nên yêu cầu của bà D, ông B buộc bà L phải trả lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 27/5/2020 đến ngày xét xử là phù hợp nên được chấp nhận. Áp dụng khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết là 20%/ năm là phù hợp:

Từ ngày 27/5/2020 đến 10/8/202 là 14 tháng 14 ngày = 1.120.000.000 đồng x 1,66% x 14 tháng 14 ngày = 268.964.000đồng (hai trăm sáu mươi tám triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Tổng cộng tiền gốc và lãi bà Trịnh Thị L phải trả cho vợ chồng bà Mai Thị D, ông Hồ Văn B là 1.120.000.000 đồng + 268.964.000 đồng = 1.388.964.000 đồng (Một tỷ ba trăm tám mươi tám triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị D, ông Hồ Văn B được chấp nhận nên bà Trịnh Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ. Trả lại cho bà Mai Thị D, ông Hồ Văn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 210, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015. Khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị D, ông Hồ Văn B về việc buộc bà Trịnh Thị L phải trả số tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi phát sinh.

2. Buộc bà Trịnh Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Mai Thị D, ông Hồ Văn B số tiền nợ gốc là 1.120.000.000 đồng (một tỷ một trăm hai mươi triệu đồng) và 268.964.000 đồng (hai trăm sáu mươi tám triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) tiền lãi. Tổng số tiền bà Trịnh Thị L phải trả cho bà Mai Thị D, ông Hồ Văn B là: 1.388.964.000 đồng (Một tỷ ba trăm tám mươi tám triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án tính từ ngày 11/8/2021, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Buộc bà Trịnh Thị L phải nộp 53.668.920 đồng (Năm mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm hai mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho bà Mai Thị D, ông Hồ Văn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.800.000đồng (Hai mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2018/0004841 ngày 06/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án.

Nơi nhận:
- **VKSND huyện Vĩnh Lộc;**
- **Các đương sự;**
- **Lưu hồ sơ vụ án**

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hương Giang